

*hiện dự án Bảo tồn, khôi phục và sử dụng rừng ở các vùng núi Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Dự án Bảo tồn, khôi phục và sử dụng rừng ở các vùng núi Việt Nam do Quỹ Sáng kiến Đác Uyn của Vương Quốc Anh viện trợ không hoàn lại, với các thông tin về Dự án chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Bảo tồn, khôi phục và sử dụng rừng ở các vùng núi Việt Nam.

2. Nhà tài trợ: Quỹ Sáng kiến Đác Uyn, Vương Quốc Anh.

3. Cơ quan chủ quản dự án: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Cơ quan quản lý và phối hợp thực thi dự án: Công ty Giống lâm nghiệp Trung ương.

5. Mục tiêu cụ thể của dự án: Nâng cao năng lực cho cán bộ ngành giống lâm nghiệp về bảo tồn các loài cây lá kim và nghiên cứu phát triển các loài nấm cộng sinh của một số loài cây lá kim làm cơ sở để nâng cao khả năng sinh trưởng và phát triển của các loài đó.

6. Địa điểm hoạt động của dự án: Tại các địa điểm của các đơn vị trực thuộc Công ty Giống lâm nghiệp Trung ương, bao gồm: các xí nghiệp giống lâm nghiệp tại vùng Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên (không có địa điểm nào nằm trong các khu vườn quốc gia, khu bảo tồn hoặc khu đặc dụng).

7. Thời gian thực hiện dự án: 3 năm (từ tháng 7 năm 2001 đến tháng 7 năm 2004).

8. Tổng kinh phí dự án: 161.898 Bảng Anh (tương đương 3.335 triệu Đồng Việt Nam).

**Điều 2.** Giao cho Công ty Giống lâm nghiệp

Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và phối hợp với Vườn thực vật Hoàng Gia Edinburg (Scotland, Anh) và các đơn vị liên quan khác tổ chức thực hiện Dự án có hiệu quả theo nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này, tuân thủ các quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA hiện hành của Nhà nước và của Bộ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và quy hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Giám đốc Công ty Giống lâm nghiệp Trung ương và lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thứ trưởng*

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

**BỘ TÀI CHÍNH**

**QUYẾT ĐỊNH số 67/2001/QĐ-BTC ngày 05/7/2001 về việc sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 23/2001/QĐ-BTC ngày 29/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

| Mã số |           |    | Mô tả nhóm, mặt hàng   | Thuế suất (%) |
|-------|-----------|----|--|---------------|
| Nhóm  | Phân nhóm |    |  |               |
| 2710  |           |    | Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó |               |
|       |           |    | - Xăng các loại:   |               |
| 2710  | 00        | 11 | - - Xăng máy bay   | 15            |
| 2710  | 00        | 12 | - - Xăng dung môi  | 10            |
| 2710  | 00        | 19 | - - Xăng loại khác   | 50            |
| 2710  | 00        | 20 | - Diesel   | 10            |
| 2710  | 00        | 30 | - Madut  | 0             |
| 2710  | 00        | 40 | - Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)  | 25            |
| 2710  | 00        | 50 | - Dầu hỏa thông dụng   | 0             |
| 2710  | 00        | 60 | - Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng   | 50            |
| 2710  | 00        | 70 | - Condensate và các chế phẩm tương tự  | 10            |
| 2710  | 00        | 90 | - Loại khác  | 10            |

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 06 tháng 7 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH